

GIÁ TRỊ NHÂN VĂN TRONG *DI CHÚC* CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ MAI HOA (*)

Là người suốt đời đấu tranh cho độc lập, tự do của dân tộc, cho cuộc sống ấm no, hạnh phúc của nhân dân Việt Nam, trước lúc đi xa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho chúng ta bản "*Di chúc*" lịch sử, thấm đượm giá trị nhân văn. Giá trị nhân văn đó đã làm nên sức sống mãnh liệt, ý nghĩa thời đại trong tư tưởng của Người về con người, về giải phóng con người và phát triển con người toàn diện. Giá trị nhân văn đó còn cho thấy vì sao Người luôn coi "công việc đầu tiên" là "công việc đối với người". Khẳng định giá trị nhân văn đó trong "*Di chúc*" Hồ Chí Minh, ở bài viết này, tác giả đã không chỉ làm rõ giá trị trường tồn, sức sống mãnh liệt của tư tưởng Hồ Chí Minh, mà còn chỉ ra và phân tích vai trò định hướng của tư tưởng đó trong công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay.

Là người lãnh đạo và dẫn dắt dân tộc Việt Nam trên con đường cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành hết cuộc đời mình để chăm lo cho sự nghiệp cách mạng vĩ đại đó của dân tộc Việt Nam. Suốt đời, Người luôn quan tâm đến việc làm sao cho dân tộc Việt Nam được độc lập, tự do, nhân dân Việt Nam ai cũng có cơm ăn, áo mặc và được học hành. Hồ Chí Minh nói: "Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành"(1). Ngay cả khi biết mình sắp đi vào cõi vĩnh hằng, 40 năm trước đây, trong *Di chúc* để lại cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta, Người vẫn không quên căn dặn "Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân"(2). Có thể nói, ở Hồ Chí Minh, trọng tâm của mọi vấn đề đều hướng đến con người và giải phóng con người. Người không chỉ chú trọng đến việc mang lại tự do, độc lập và hạnh phúc cho nhân dân Việt Nam, mà còn cho cả nhân dân toàn thế giới. Chính điều đó đã làm nên *giá trị nhân văn* trong tư tưởng Hồ chí Minh và sức sống

trường tồn của tư tưởng ấy.

Dù ở thời đại nào, vấn đề về con người, về tự do, hạnh phúc và lẽ sống của con người đều được quan tâm nhiều nhất, thậm chí còn là vấn đề mà các nhà triết học, nhà tư tưởng đã bỏ không ít công sức để luận giải, bởi đó là vấn đề thiết thực nhất đối với cuộc sống của con người và xã hội loài người. Ở Việt Nam hiện nay, Đảng và Nhà nước Việt Nam cũng rất chú trọng đến vấn đề con người và phát triển con người. Vì vậy, nhân kỷ niệm 40 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, việc trở lại nghiên cứu giá trị nhân văn trong tư tưởng Hồ Chí Minh và trong *Di chúc* của Người, có thể nói, mang một ý nghĩa thực tiễn thiết thực đối với việc phát triển con người Việt Nam trong bối cảnh hiện tại và tương lai. Bởi lẽ, qua đây, chúng ta có thể tiếp thu và vận dụng những tư tưởng căn bản nhất từ quan niệm của Hồ Chí Minh về con người và giải phóng con người, về quyền con người, sự tự do và hạnh phúc của con người.

(*) Nghiên cứu viên, Viện Triết học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

(1) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.4. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.161.

(2) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.12, tr.498.

Nói đến giá trị nhân văn trong tư tưởng Hồ Chí Minh, không thể không nói đến tư tưởng về giải phóng con người. Với Hồ Chí Minh, con người không thể hưởng đầy đủ những quyền làm một con người, nếu họ không có tự do; và chỉ khi nào con người có được quyền căn bản và đương nhiên đó thì mới có thể bàn đến những quyền khác. Với quan niệm này, trong *Tuyên ngôn độc lập*, khi trích dẫn câu nói bất hủ trong *Tuyên ngôn độc lập* năm 1776 của nước Mỹ - “Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Lời nói bất hủ ấy ở trong *bản Tuyên ngôn độc lập* năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”(3). Bản thân Người cũng nói: “Người ta sinh ra và mãi mãi tự do và bình đẳng về quyền. Các quyền ấy là: tự do, tư hữu, an ninh và chống áp bức”(4). Do vậy, khi nói đến tự do của con người, Hồ Chí Minh không chỉ nói đến sự tự do của con người về mặt thể xác, mà còn nói đến sự tự do về tư tưởng, tự do về tinh thần. Người khẳng định: “*Tự do tư tưởng* - Chế độ ta là chế độ dân chủ, tư tưởng phải được tự do. Tự do là thế nào? Đối với mọi vấn đề, mọi người tự do bày tỏ ý kiến của mình, góp phần tìm ra chân lý. Đó là một quyền lợi mà cũng là một nghĩa vụ của mọi người. Khi mọi người đã phát biểu ý kiến, đã tìm thấy chân lý, lúc đó quyền tự do tư tưởng hóa ra *quyền tự do phục tùng chân lý*”(5). Coi tự do như là lẽ sống không chỉ của cá nhân, mà còn của cả toàn dân tộc, Người kiên quyết đấu tranh giành tự do cho nhân dân Việt Nam. Với Người, “dù phải kháng chiến 5 năm, 10 năm, hay là lâu hơn nữa, để giữ gìn thống nhất và độc lập cho Tổ quốc, để tranh lấy tự do và hạnh phúc cho giống nòi, chúng ta cũng quyết kháng chiến

cho đến thắng lợi cuối cùng”(6). Và, trước lúc đi xa, khi đất nước ta còn chưa thống nhất, độc lập cho Tổ quốc còn chưa trọn vẹn, đồng bào ta còn đang “phải hy sinh nhiều của nhiều người”, nhân dân ta chưa có được cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, Người vẫn tin tưởng sắt đá rằng, “dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi... Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam, Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”(7).

Điều đó cho thấy, tự do trong tư tưởng Hồ Chí Minh luôn gắn liền với độc lập của dân tộc. Với Người, chỉ khi nào dân tộc giành được độc lập thì mọi người mới có tự do: “Tổ quốc là Tổ quốc chung. Tổ quốc độc lập, thì ai cũng được tự do. Nếu mất nước, thì ai cũng phải làm nô lệ”(8). Có thể nói, trong quan niệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tự do không phải là cái tự nhiên mà có, tự do luôn gắn với quá trình đấu tranh giành độc lập và thống nhất của dân tộc và do vậy, không thể có tự do nếu không có độc lập dân tộc, có độc lập mà không có tự do thì sự độc lập ấy cũng vô nghĩa: “Nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”(9). Ở đây, Hồ Chí Minh đã đồng nhất tự do của cá nhân với tự do của dân tộc và coi sự nghiệp giải phóng cá nhân cũng chính là sự nghiệp giải phóng dân tộc. Người nói: “Dù cá nhân có ăn no mặc ấm cũng là thân nô lệ vì dân tộc còn bị nô lệ. Bây giờ đuổi thực dân rồi, đánh bại phong kiến rồi, có người dù ăn chưa được no, mặc chưa được ấm, nhưng thân phận mình là chủ đất nước, là tự do. Mọi người góp phần vào xây dựng đất nước giàu mạnh. Đó là xây dựng tiền đồ. Tiền đồ của mọi người không tách ra ngoài tiền đồ chung của dân tộc

(3) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.3, tr.555.

(4) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.1, tr.240.

(5) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.8, tr.216.

(6) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.5, tr.487.

(7) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.12, tr.498 - 499.

(8) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.4, tr.485.

(9) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.4, tr.56.

được”(10). Chính vì vậy, Hồ Chí Minh luôn ra sức kêu gọi quần chúng nhân dân làm cách mạng để giành độc lập cho dân tộc và coi “mục đích của cách mạng là xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, tự do, giàu mạnh. Làm cho nhân dân được hưởng hạnh phúc và xây dựng một xã hội sung sướng, vẻ vang”(11). Với mục đích này, Người đã dành trọn cuộc đời mình cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam và những dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới, “kiên quyết cùng đồng bào chịu cực chịu khổ, quyết cùng đồng bào kháng chiến cho đến thắng lợi hoàn toàn, quyết cùng đồng bào tranh lại thống nhất và độc lập thật sự cho Tổ quốc, quyết cùng đồng bào ra sức làm thế nào cho con cháu chúng ta bây giờ và muôn đời về sau được sung sướng và tự do”(12). Khi biết mình sắp phải đi xa, Người vẫn nói: “Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”(13). Với Hồ Chí Minh, cách mạng là con đường duy nhất để giải phóng con người khỏi cuộc đời nô lệ. Do vậy, chúng ta có thể nói rằng, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, ba phạm trù độc lập, tự do và cách mạng luôn gắn bó chặt chẽ với nhau. Ở Người, độc lập và tự do chính là nguồn sống của con người, là những cái cần thiết đối với con người như cơm ăn, áo mặc, nhà ở... và do vậy, đấu tranh cho độc lập và tự do là đấu tranh cho nhu cầu chính đáng của bất cứ dân tộc nào trên thế gian này. Vì lẽ đó, tuyên ngôn “*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*” của Hồ Chí Minh luôn được coi là chân lý của mọi thời đại.

Có thể nói, giá trị nhân văn trong tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng con người trước hết là ở sự khẳng định con người cần được sống cuộc sống của một con người chứ không phải con vật, một con vật thì chỉ cần được ăn uống đầy đủ chứ không cần đến tự do và độc lập, nhưng một con người thì không chỉ cần có

ăn, uống, mặc, ở..., mà còn cần có tự do và độc lập. Con người hơn con vật chính là ở chỗ họ có tự do, có nhân cách. Nhận thức rõ giá trị của độc lập và tự do đối với cuộc sống con người. Hồ Chí Minh đã dành cả cuộc đời để đấu tranh cho những quyền sống căn bản của nhân dân Việt Nam. Cùng với đó, Người còn không ngừng đấu tranh vì độc lập và tự do của những dân tộc bị áp bức trên thế giới. Người nói: “Nhân dân ta chiến đấu hy sinh chẳng những vì tự do, độc lập riêng của mình, mà còn vì tự do, độc lập chung của các dân tộc và hòa bình trên thế giới”(14). Như vậy, có thể nói, tư tưởng giải phóng của Hồ Chí Minh không chỉ dừng lại ở phạm vi con người và dân tộc Việt Nam, mà còn vươn xa hơn nữa, đó là mong muốn giải phóng toàn nhân loại.

Hồ Chí Minh cũng rất quan tâm đến đời sống sinh hoạt của người dân và luôn trăn trở để tìm ra con đường mang lại hạnh phúc cho nhân dân. Với Người, giành độc lập và tự do cho dân tộc cũng có nghĩa là mang lại cho nhân dân cơm ăn, áo mặc, nhà ở và một cuộc sống đầy đủ, sung túc. Người nói: “Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ.

Chúng ta phải thực hiện ngay:

1. Làm cho dân có ăn.
2. Làm cho dân có mặc.
3. Làm cho dân có chỗ ở.
4. Làm cho dân có học hành.

Cái mục đích chúng ta đi đến là 4 điều đó. Đi đến để dân nước ta xứng đáng với tự do độc lập và giúp sức được cho tự do độc lập”(15).

Với mục đích này, Hồ Chí Minh đã dành trọn cuộc đời không chỉ để đấu tranh cho dân

(10) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.8, tr.396.

(11) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.7, tr.220.

(12) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.5, tr.437.

(13) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.12, tr.500.

(14) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.11, tr.434.

(15) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t. 4, tr.152.

quyền (đòi cho dân quyền được làm chủ, quyền được sống trong độc lập, tự do, bình đẳng), mà còn cho dân sinh (chăm lo cho dân được ăn no, mặc ấm, được học hành đầy đủ). Và cũng vì mục đích đó, trong tư tưởng của Người, ba vấn đề dân tộc, dân quyền, dân sinh có sự gắn bó mật thiết với nhau. Với Người, giải quyết vấn đề dân tộc chính là giải quyết các vấn đề dân quyền và dân sinh; giải quyết vấn đề dân quyền và dân sinh cũng chính là để giải quyết vấn đề dân tộc. Có thể nói, ở Hồ Chí Minh, vận mệnh của con người luôn gắn liền với vận mệnh của dân tộc và mọi lợi ích của cá nhân đều hướng đến lợi ích chung của dân tộc. Tuy nhiên, Hồ Chí Minh không phải là một nhà dân tộc chủ nghĩa, bởi trong quan niệm của Người, mọi vấn đề dân tộc đều hướng đến con người, lấy nhân tố con người làm trung tâm và mục đích chính.

Hồ Chí Minh luôn coi việc đấu tranh giành độc lập và tự do cho Tổ quốc, cho nhân dân là tiền đề quan trọng để xây dựng một cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Song, không chỉ có vậy, Người còn luôn khuyến khích mọi người tích cực lao động, tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, tạo cơ sở vật chất vững chắc để duy trì cuộc sống ấy. Người nói: “Nước ta còn nghèo, muốn sung sướng thì phải có tinh thần tự lực cánh sinh, cần cù lao động. Phải cố gắng sản xuất. Lao động là *nghĩa vụ thiêng liêng*, là *nguồn sống, nguồn hạnh phúc của chúng ta*”(16); và “tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm là con đường đi đến xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội, xây dựng hạnh phúc cho nhân dân. Tăng gia là tay phải của hạnh phúc, tiết kiệm là tay trái của hạnh phúc”(17). Đối với Hồ Chí Minh, lao động và sản xuất không chỉ là cơ sở để con người có một cuộc sống tốt đẹp, mà còn là cơ sở để con người phát triển toàn diện, cả về thể lực lẫn tinh thần, nhân cách; do đó, lao động trở nên thiêng liêng và là nguồn hạnh phúc trong cuộc sống của con người. Bản thân Hồ Chí Minh cũng là một tấm gương lao động mẫu mực mà chúng ta cần phải học tập.

Với tư cách một trí thức cách mạng, Hồ Chí Minh không chỉ quan tâm đến đời sống vật chất của nhân dân, mà còn luôn tìm mọi cách thức để mở mang trí tuệ, nâng cao dân trí cho người dân. Đối với Người, lao động và sản xuất là cái gốc quan trọng để tạo nên cuộc sống và nhân cách của con người, nhưng tri thức cũng là một nhân tố cần thiết để làm cho cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn, văn minh hơn, để nâng nhân cách và trí tuệ của con người lên một tầm cao mới. Những tháng ngày bôn ba ở phương Tây để tìm đường cứu nước, Người đã nhận thức rất rõ rằng, con người chỉ được sống một cuộc sống đích thực khi con người có tri thức, có trí tuệ, hay nói cách khác là có văn hóa. Do vậy, với Người, “nay chúng ta đã giành được quyền độc lập. Một trong những công việc phải thực hiện cấp tốc trong lúc này, là nâng cao dân trí... Muốn giữ vững nền độc lập, muốn làm cho dân mạnh nước giàu, mọi người Việt Nam đều phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà, và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ”(18). Với tư tưởng này, Người luôn mong muốn nhân dân Việt Nam không chỉ có đủ cơm ăn, áo mặc, mà còn được học hành, được giáo dục để trở thành con người có văn hóa, chứ không phải là những con người bị tước bỏ mọi quyền sống của một con người và sống cuộc đời nô lệ của một con vật. Trước lúc đi xa, Người vẫn không quên căn dặn Đảng ta cần phải có kế hoạch chu đáo để phát triển kinh tế và văn hoá nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân, “khôi phục và mở rộng các ngành kinh tế. Phát triển công tác vệ sinh, y tế. Sửa đổi chế độ giáo dục cho hợp với hoàn cảnh mới của nhân dân”(19). Điều này cho thấy, mục đích đấu tranh của Hồ Chí Minh luôn mang ý

(16) Hồ Chí Minh., *Sđd.*, t.10, tr.313

(17) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.11, tr. 257.

(18) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.4, tr.36.

(19) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.12, tr.498, 504 – 505.

nghĩa nhân văn sâu sắc, luôn hướng đến con người, đòi hỏi những giá trị sống đích thực cho con người.

Phấn đấu cho mục đích đó, trong suốt cuộc đời, Hồ Chí Minh chỉ có một nguyện vọng duy nhất là đem lại cho nhân dân Việt Nam một cuộc sống no ấm, yên vui và hòa bình. Người nói: “Cả đời tôi chỉ có một mục đích, là phấn đấu cho quyền lợi của Tổ quốc, và hạnh phúc của quốc dân”(20). Trong quan niệm của Người, chỉ khi nào thiết lập được một nền hòa bình cho dân tộc thì khi ấy, nhân dân mới được hưởng một cuộc sống hạnh phúc thực sự, được sống cuộc đời của một con người tự do. Suốt đời đấu tranh cho hoà bình, cho hạnh phúc của nhân dân, Người đã kiên quyết lên án những cuộc chiến tranh phi nghĩa: “Chúng ta cần có hòa bình để xây dựng một cuộc đời hạnh phúc cho nhân dân và con cháu chúng ta. Vì muốn hòa bình cho nên chúng ta thù ghét chiến tranh và kiên quyết chống chiến tranh”(21). Người cũng nhận thấy rằng, hòa bình không chỉ là nguyện vọng tha thiết của nhân dân Việt Nam, mà còn là nguyện vọng của mọi dân tộc trên thế giới; vì thế, Người không chỉ đấu tranh cho hòa bình của dân tộc Việt Nam, mà còn hướng tới thiết lập một nền hòa bình thế giới. Không những vậy, Người còn mong muốn xây dựng một nước Việt Nam độc lập và tự do, có mối quan hệ hữu nghị với tất cả các quốc gia hòa bình trên thế giới. Người nói: “Hòa bình được lập lại, nhân dân Việt Nam sẽ đem hết sức mình xây dựng lại Tổ quốc để biến nó thành một nước thống nhất, hòa bình, độc lập, dân chủ, phồn vinh, có quan hệ hữu nghị với tất cả các dân tộc hòa bình trên thế giới”(22).

Ở Hồ Chí Minh, vấn đề con người, cuộc sống con người, nhân cách con người luôn là vấn đề trọng tâm và được nói đến nhiều lần. Coi “công việc đối với con người” là công việc “đầu tiên”(23), Người đã dành trọn cuộc đời và sự nghiệp của mình để chăm lo cho nhân dân không chỉ về đời sống vật chất, mà còn về

đời sống tinh thần, trí tuệ, nhân cách. Bởi với Người, con người luôn là một thực thể tự do và phát triển đầy đủ, sung túc về cả vật chất lẫn tinh thần, nếu thiếu hụt một trong hai yếu tố đó, con người sẽ bị biến thành nô lệ của kẻ khác hoặc của thế lực bên ngoài. Cũng chính vì vậy, Người đã không ngừng đấu tranh để giải phóng dân tộc và đem lại cho con người quyền được sống và phát triển đầy đủ về thể lực, trí lực và nhân cách, để con người được tự do phát triển toàn diện. Ngày nay, tư tưởng này của Người vẫn là kim chỉ nam, là sợi chỉ đỏ dẫn dắt chúng ta trong việc hoạch định những chính sách xã hội đúng đắn về chăm sóc, bồi dưỡng và phát triển con người Việt Nam.

Có thể nói, những giá trị nhân văn trong tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, trong *Di chúc* của Người nói riêng đã tạo nên sức sống mãnh liệt của tư tưởng ấy trước thách thức của thời đại. Ngày nay, chúng ta đang ra sức xây dựng một nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, chăm lo và đào tạo những con người Việt Nam khỏe mạnh, năng động, sáng tạo, có tri thức để hội nhập với bè bạn quốc tế, thì tư tưởng Hồ Chí Minh về con người và phát triển con người toàn diện lại càng trở nên thiết thực hơn bao giờ hết. Trong những năm qua, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã không ngừng học tập và nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm phát huy hơn nữa những giá trị nhân văn trong tư tưởng của Người trên phương diện thực tiễn, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Vì vậy, chúng ta hoàn toàn có thể khẳng định rằng, tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung và những giá trị nhân văn của tư tưởng ấy vẫn có ý nghĩa và giá trị định hướng lớn lao trong đời sống xã hội Việt Nam hiện tại và tương lai. □

(20) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.4, tr. 240.

(21) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.9, tr.40.

(22) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.12, tr.130.

(23) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.12, tr.503.